| | |
|---|---|
| BỘ Y TẾ<br>**BỆNH VIỆN K** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 2247 /QĐ-BVK | *Hà Nội, ngày 03 tháng 11 năm 2026* |

# QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Mua sắm các mặt hàng vật tư tiêu hao và sinh phẩm, hóa chất lần 8 năm 2026 dùng cho các Khoa/Phòng của Bệnh viện K**

## GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN K

*Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023 của Quốc hội;*

*Căn cứ Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 của Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu;*

*Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/06/2025 của Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;*

*Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/08/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;*

*Căn cứ Nghị định số 349/2026/NĐ-CP ngày 09/9/2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;*

*Căn cứ Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế; Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03/3/2023 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế; Nghị định số 04/2025/NĐ-CP ngày 01/01/2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ về quản lý thiết bị y tế đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03/3/2023;*

*Căn cứ Thông tư số 05/2022/TT-BYT ngày 01/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ về quản lý thiết bị y tế, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2022;*

*Căn cứ Thông tư số 24/2026/TT-BYT ngày 30/06/2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về xác định mức độ rủi ro, biện pháp quản lý đối với sản phẩm, hàng hóa là thiết bị y tế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 05/2022/TT-BYT quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định 98/2021/NĐ-CP về quản lý thiết bị y tế;*

*Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;*

*Căn cứ Thông tư số 134/2026/TT-BTC ngày 09/9/2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết mẫu hồ sơ yêu cầu áp dụng hình thức chỉ định thầu, báo cáo đánh giá, báo cáo thẩm định, kiểm tra, giám sát, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu;*

*Căn cứ Quyết định số 711/BYT-QĐ ngày 17/7/1969 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc thành lập Bệnh viện K;*

*Căn cứ Quyết định số 3269/QĐ-BYT ngày 17/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Bệnh viện K;*

*Căn cứ Quyết định số 1981/QĐ-BVK ngày 08/9/2025 của Giám đốc Bệnh viện K về việc Ban hành quy trình mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ tại Bệnh viện K;*

*Căn cứ Quyết định số 1230/QĐ-BVK ngày 29/06/2026 của Giám đốc Bệnh viện K về việc phê duyệt dự toán mua sắm tài sản, hàng hóa và cung cấp dịch vụ đợt 2 năm 2026;*

*Căn cứ Quyết định số 2019/QĐ-BVK ngày 28/09/2026 của Giám đốc Bệnh viện K về việc phê duyệt danh mục chi tiết mua sắm bổ sung Vật tư tiêu hao từ nguồn thu hoạt động sự nghiệp của Bệnh viện K.*

*Căn cứ Quyết định số 2023/QĐ-BVK ngày 29/09/2026 của Giám đốc Bệnh viện K về việc phê duyệt danh mục chi tiết mua sắm Bộ thuốc thử định lượng vitamin D và 04 mặt hàng hóa chất, sinh phẩm phục vụ cho máy sinh hóa-miễn dịch dùng cho các Khoa/phòng của Bệnh viện K;*

*Căn cứ Quyết định số 2073/QĐ-BVK ngày 08/10/2026 của Giám đốc Bệnh viện K về việc phê duyệt danh mục chi tiết mua sắm 06 mặt hàng tương thích cho máy xét nghiệm huyết học tự động bằng kỹ thuật đo quang, trở kháng, laser tốc độ 120 test/giờ (Yumizen H2500) của Bệnh viện K;*

*Căn cứ Báo cáo số 17.2026/BC-TTĐ813 ngày 29/10/2026 về việc xem xét, đánh giá điều kiện phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Mua sắm các mặt hàng vật tư tiêu hao và sinh phẩm, hóa chất lần 8 năm 2026 dùng cho các Khoa/Phòng của Bệnh viện K;*

*Theo đề nghị của Phòng VT-TBYT tại Tờ trình số 1011/TTr-VTTBYT ngày 13/10/2026 về việc trình kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Mua sắm các mặt hàng vật tư tiêu hao và sinh phẩm, hóa chất lần 8 năm 2026 dùng cho các Khoa/Phòng của Bệnh viện K.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Mua sắm các mặt hàng vật tư tiêu hao và sinh phẩm, hóa chất lần 8 năm 2026 dùng cho các Khoa/Phòng của Bệnh viện K, cụ thể như sau:

1. Tổng giá trị các gói thầu: **1.053.606.723 đồng** *(Bằng chữ: Một tỷ không trăm năm mươi ba triệu sáu trăm linh sáu nghìn bảy trăm hai mươi ba đồng /.)*

2. Nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu : Chi tiết tại Phụ lục 01

3. Nội dung gói thầu: Chi tiết tại Phụ lục 02

**Điều 2.** Phòng Vật tư – Thiết bị y tế và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã được phê duyệt đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

**Điều 3.** Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, ban hành. Các Ông (Bà) Trưởng, Phụ trách Khoa/Phòng: Vật tư - Thiết bị y tế, Tài chính - Kế toán, Kế hoạch tổng hợp và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, VT-TBYT.

**GIÁM ĐỐC**

BỆNH VIỆN K

**Lê Văn Quảng**

BỘ Y TẾ
**BỆNH VIỆN K**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# PHỤ LỤC 01

## Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Mua sắm các mặt hàng vật tư tiêu hao và sinh phẩm, hóa chất lần 8 năm 2026 dùng cho các Khoa/Phòng của Bệnh viện K

*(Kèm theo Quyết định số 2247 ngày 03 tháng 11 năm 2026 của Giám đốc Bệnh viện K)*

| TT | Tên chủ đầu tư | Tên gói thầu | | Giá gói thầu (đồng) | Nguồn vốn | Hình thức lựa chọn nhà thầu | Phương thức lựa chọn nhà thầu | Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu | Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu | Loại hợp đồng | Thời gian thực hiện gói thầu | Tùy chọn mua thêm |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Tên gói thầu | Tóm tắt công việc chính của gói thầu | | | | | | | | | |
| 1 | Bệnh viện K | Gói 1: Mua sắm Bộ thuốc thử định lượng Vitamin D cho Khoa Xét nghiệm của Bệnh viện K; | Mua sắm sinh phẩm, hóa chất | 103.005.000 | Nguồn thu hoạt động sự nghiệp của Bệnh viện K | Chào giá trực tuyến rút gọn | Không áp dụng | 45 ngày | Quý IV năm 2026 | Hợp đồng theo đơn giá cố định | 180 ngày | Không áp dụng |
| 2 | Bệnh viện K | Gói 2: Mua sắm 04 mặt hàng sinh phẩm, hóa chất cho Khoa Xét nghiệm cơ sở 2 của Bệnh viện K | Mua sắm sinh phẩm, hóa chất | 119.167.931 | Nguồn thu hoạt động sự nghiệp của Bệnh viện K | Chào giá trực tuyến rút gọn | Không áp dụng | 45 ngày | Quý IV năm 2026 | Hợp đồng theo đơn giá cố định | 180 ngày | Không áp dụng |
| 3 | Bệnh viện K | Gói 3: Mua sắm 06 mặt hàng tương thích cho máy xét nghiệm huyết học tự động bằng kỹ thuật đo quang, trở kháng, laser tốc độ 120 test/giờ (Yumizen H2500) | Mua sắm sinh phẩm, hóa chất | 444.091.000 | Nguồn thu hoạt động sự nghiệp của Bệnh viện K | Chào giá trực tuyến rút gọn | Không áp dụng | 45 ngày | Quý IV năm 2026 | Hợp đồng theo đơn giá cố định | 180 ngày | Không áp dụng |
| 4 | Bệnh viện K | Gói 4: Mua sắm Vật tư tiêu hao cho các Khoa/phòng của Bệnh viện K (gồm 04 phần mỗi phần là 01 mặt hàng). | Mua sắm vật tư tiêu hao | 387.342.792 | Nguồn thu hoạt động sự nghiệp của Bệnh viện K | Chào giá trực tuyến rút gọn | Không áp dụng | 45 ngày | Quý IV năm 2026 | Hợp đồng theo đơn giá cố định | 180 ngày | Không áp dụng |
| **Tổng giá gói thầu** | | | | **1.053.606.723** | | | | | | | | |
| ***Một tỷ không trăm năm mươi ba triệu sáu trăm linh sáu nghìn bảy trăm hai mươi ba đồng.*** | | | | | | | | | | | | |

**GIÁM ĐỐC**

BỆNH VIỆN K

**Lê Văn Quảng**

BỘ Y TẾ
**BỆNH VIỆN K**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# PHỤ LỤC 2

**Danh mục chi tiết các gói thầu thuộc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Mua sắm các mặt hàng vật tư tiêu hao và sinh phẩm, hóa chất lần 8 năm 2026 dùng cho các Khoa/Phòng của Bệnh viện K**

*(Kèm theo Quyết định số 2247 /QĐ-BVK ngày 03 / 11 /2026 của Giám đốc Bệnh viện K)*

| TT | Danh mục hàng hóa/Tên phần lô | Thông số kỹ thuật | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá kế hoạch (đã bao gồm VAT, VNĐ) | Thành tiền (đã bao gồm VAT, VNĐ) |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **I** | **Gói 1: Mua sắm Bộ thuốc thử định lượng Vitamin D cho Khoa Xét nghiệm của Bệnh viện K** | | | | | **103.005.000** |
| 1 | Bộ thuốc thử định lượng Vitamin D | Thành phần: Protein gắn kết vitamin D đánh dấu ruthenium 150 µg/L, 25-hydroxyvitamin D đánh dấu biotin 20 µg/L. | Test | 600 | 171.675 | 103.005.000 |
| **II** | **Gói 2: Mua sắm 04 mặt hàng sinh phẩm, hóa chất cho Khoa Xét nghiệm cơ sở 2 của Bệnh viện K** | | | | | **119.167.931** |
| 1 | Bộ mẫu chứng xét nghiệm β2-Microglobulin | Thành phần: Albumin huyết thanh bò với chất phụ gia hóa học và nguyên liệu có nguồn gốc sinh học (β2-Microglobulin người), albumin huyết thanh bò. | mL | 68 | 684.397 | 46.538.996 |
| 2 | Bộ hiệu chuẩn dùng cho hệ thống tự động các chỉ số HDL-cholesterol, LDL-cholesterol. | Thành phần: Huyết thanh người với phụ gia hóa học. | mL | 9 | 387.335 | 3.486.015 |
| 3 | Bộ thuốc thử định lượng LDL. | Thành phần: Đệm bis tris: 20.1 mmol/L, pH 7.0; 4 aminoantipyrine: 0.98 mmol/L; ascorbate oxidase (AOD, Acremonium spec.): ≥ 66.7 µkat/L; peroxidase (tái tổ hợp từ Basidiomycetes): ≥ 166.7 µkat/L; BSA: 4.0 g/L; chất bảo quản. | Test | 2.000 | 15.297 | 30.594.000 |

| TT | Danh mục hàng hóa/Tên phần lô | Thông số kỹ thuật | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá kế hoạch (đã bao gồm VAT, VNĐ) | Thành tiền (đã bao gồm VAT, VNĐ) |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 4 | Bộ mẫu chứng các xét nghiệm Anti-TPO, Anti-TG, Anti-TSHR | Thành phần: Kháng thể kháng TSHR (người) với hai khoảng nồng độ 4 IU/L và 16 IU/L; Kháng thể kháng TPO (cừu) với hai khoảng nồng độ 35 IU/mL và 100 IU/mL; Kháng thể kháng Tg (cừu) với hai khoảng nồng độ 100 IU/mL và 200 IU/mL. | mL | 40 | 963.723 | 38.548.920 |
| **III** | **Gói 3: Mua sắm 06 mặt hàng tương thích cho máy xét nghiệm huyết học tự động bằng kỹ thuật đo quang, trở kháng, laser tốc độ 120 test/giờ (Yumizen H2500)** | | | | | **444.091.000** |
| 1 | Dung dịch pha loãng bạch cầu để xác định và phân biệt các tế bào máu và đo hematocrit | Thành phần:<br>+ Dung dịch đệm hữu cơ < 5%<br>+ Chất bảo quản < 0,1%<br>+ Surfactant (Chất diện hoạt) < 0,1% | ml | 700.000 | 237 | 165.900.000 |
| 2 | Dung dịch ly giải hồng cầu để xác định bạch cầu & Hemogobin | Thành phần:<br>+ Dung dịch đệm hữu cơ < 5%<br>+ Chất tẩy rửa < 2,5% | ml | 3.000 | 5.209 | 15.627.000 |
| 3 | Dung dịch enzym thủy phân protein để làm sạch các máy đếm tế bào máu | Thành phần:<br>+ Dung dịch đệm hữu cơ < 5%<br>+ Enzym thủy phân protein < 1%<br>+ Chất bảo quản < 1% | ml | 25.000 | 2.400 | 60.000.000 |
| 4 | Dung dịch ly giải hồng cầu để đếm bạch cầu và phân loại bạch cầu | Thành phần:<br>+ Dung dịch đệm hữu cơ < 5%<br>+ Chất tẩy rửa < 1%<br>+ Chất bảo quản < 0,1% | ml | 75.000 | 1.109 | 83.175.000 |
| 5 | Dung dịch ly giải để phân biệt các quần thể | Thành phần:<br>+ Dung dịch đệm hữu cơ < 5%<br>+ Chất tẩy rửa < 1% | mL | 20.000 | 5.750 | 115.000.000 |

| TT | Danh mục hàng hóa/Tên phần lô | Thông số kỹ thuật | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá kế hoạch (đã bao gồm VAT, VNĐ) | Thành tiền (đã bao gồm VAT, VNĐ) |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | phụ có nhân | + Cồn < 10%<br>+ Chất bảo quản < 0,1% | | | | |
| 6 | Dung dịch nhuộm màu để đếm hồng cầu và phân loại | Thành phần:<br>+ Dung dịch đệm hữu cơ < 5%<br>+ Chromophore < 1%<br>+ Cồn < 3%<br>+ Chất bảo quản < 0,1% | ml | 1.000 | 4.389 | 4.389.000 |
| **IV** | **Gói 4: Mua sắm Vật tư tiêu hao cho các Khoa/phòng của Bệnh viện K (gồm 04 phần mỗi phần là 01 mặt hàng).** | | | | | **387.342.792** |
| **Phần 1: Băng chun có keo, vô trùng 8cm x 4,5 m** | | | | | | |
| 1 | Băng chun có keo, vô trùng 8cm x 4,5 m | + Chất liệu cotton 100%.<br>+ Trọng lượng 140g/m2.<br>+ Độ co giãn ≥90%.<br>+ Lớp keo Oxide kẽm, lực dính 2-9 N/cm | Cuộn | 1.200 | 106.000 | 127.200.000 |
| **Phần 2: Thông dạ dày các số** | | | | | | |
| 2 | Thông dạ dày các số | + Ống thông dạ dày các số 10,12,14,16,18, đã được tiệt trùng bằng EO, đóng gói 1 cái/ túi<br>+ Chất liệu ống: PVC | Chiếc | 6.500 | 2.898 | 18.837.000 |
| **Phần 3: Dây dẫn nước nội soi tiết niệu** | | | | | | |
| 3 | Dây dẫn nước nội soi tiết niệu | Dây dẫn hình chữ Y, chất liệu nhựa PVC<br>+ Chiều dài nhánh chữ Y dài ≥30cm, có khóa 3 chạc, có khoang chứa<br>+ Chiều dài ống ≥150cm. Đã được tiệt khuẩn bằng EO | Chiếc | 700 | 330.000 | 231.000.000 |

| TT | Danh mục hàng hóa/Tên phần lô | Thông số kỹ thuật | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá kế hoạch (đã bao gồm VAT, VNĐ) | Thành tiền (đã bao gồm VAT, VNĐ) |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **Phần 4: Băng mực in dùng cho máy hấp tiệt trùng nhiệt độ thấp** | | | | | | |
| 4 | Băng mực in dùng cho máy hấp tiệt trùng nhiệt độ thấp | Băng mực in dùng cho máy tiệt khuẩn STERRAD 100S | Băng | 32 | 322.056 | 10.305.792 |
| **Tổng giá các gói thầu:**<br>**Bằng chữ: Một tỷ không trăm năm mươi ba triệu sáu trăm linh sáu nghìn bảy trăm hai mươi ba đồng** | | | | | | **1.053.606.723** |

**GIÁM ĐỐC**

BỆNH VIỆN K

**Lê Văn Quảng**